TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái
2. Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên Tòa:

Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2017/QĐST-DS ngày 06/6/2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1987

Địa chỉ: phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Y có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Y trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có khi đánh nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt và cờ bạc. Bà đã suy nghĩ rất kỹ về mâu thuẫn giữa bà và ông T cũng như tạo điều kiện để vợ chồng có thể đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay

nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể giải quyết được nên bà xin ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Y và ông Phạm Ngọc T có 01 con chung là Phạm Đăng T, sinh ngày 11/6/2010. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 2 tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Y yêu cầu ly hôn với ông Phạm Ngọc T, bị đơn ông T có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Ngọc T đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân Quận 2 đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Lần 1: Vào ngày 27/02/2017, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án số 06/2017/TB-TLVA ngày 06/01/2017; Giấy triệu tập đương sự ngày 22/02/2017 triệu tập ông Phạm Ngọc T đến Tòa án vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 15/3/2017 để cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ nhưng ông T vắng mặt không có lý do;

- Lần 2: Vào ngày 28/3/2017, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án số 06/2017/TB-TLVA ngày 06/01/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 06/TB-TA ngày 21/3/2017; Giấy triệu tập đương sự ngày 21/3/2017 triệu tập ông Phạm Ngọc T đến Tòa án vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 14/4/2017 để cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do;

- Lần 3: Vào ngày 24/4/2017, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 07/TB-TA ngày 17/4/2017; Giấy triệu tập đương sự ngày 17/4/2017 triệu tập ông Phạm Ngọc T

đến Tòa án vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 11/5/2017 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do;

- Lần 4: Vào ngày 19/5/2017, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2017 và Giấy triệu tập đương sự ngày 16/5/2017 triệu tập ông Phạm Ngọc T đến Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 06/6/2017 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do;

- Lần 4: Vào ngày 08/6/2017, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2017/QĐST-DS ngày 06/6/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2017 và Giấy triệu tập đương sự ngày 07/6/2017 triệu tập ông Phạm Ngọc T đến Tòa án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 04/7/2017 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do;

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về yêu cầu của đương sự:

Bà Phạm Thị Y và ông Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01.2009 ngày 19/5/2009. Do đó, hôn nhân giữa bà Y và ông T là hợp pháp.

Bà Y cho rằng sau khi kết hôn bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có khi dẫn đến đánh nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông T thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt và cờ bạc.

Tại Phiếu yêu cầu xác minh số 42/PYCXM ngày 06/02/2017, Ủy ban nhân dân phường T, Quận H cho biết chưa nhận được đơn tranh chấp, phản ánh liên quan đến nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn giữa bà Y và ông T.

Trong quá trình Tòa án nhân dân Quận 2 tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Ngọc T đều vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 2 niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần. Điều đó cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Y.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Như vậy, bà Y yêu cầu được ly hôn với ông T là phù hợp luật định.

Về con chung: Xét yêu cầu của bà Y về việc giao con chung Phạm Đăng T, sinh ngày 11/6/2010 cho bà Y nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung mong muốn được sống với mẹ, thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2017. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Do có yêu cầu ly hôn nên bà Y phải chịu tiền án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Y:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Y được ly hôn với ông Phạm Ngọc T (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01.2009 ngày 19/5/2009 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, thành phố Hải Phòng).

2. Về con chung: Giao bà Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đăng T, sinh ngày 11/6/2010.

Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T được quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị Y phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số AE/2014/0004713 ngày 06/01/2017 do Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Bà Y còn phải nộp số tiền 100.000 (Một trăm nghìn đồng).

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

- Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện V, Tp.Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Ngọc Phú